TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN Đ
TỈNH KIÊN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/5/2023.
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ - TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T

2. Ông Nguyễn Văn D

***- Thư ký phiên toà*:** Ông **Phạm Thành N** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Đức M –** kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2023 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Kim S**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố Đầu Doi, thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn S1**, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố Đầu Doi, thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Kim S trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị

trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G vào ngày 30/6/2009. Quá trình chung sống với giữa chị S và anh S1 ban đầu hạnh phúc, nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xảy ra tranh cãi và xảy ra xô xát với nhau. Đến năm 2022 do mâu thuẫn nên vợ chồng anh chị đã ly thân nhau cho đến nay. Xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị Hồ Kim S yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn S1.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 có 02 người con chung tên là Trần Thị Ngọc Sương, sinh năm 2009 và Trần Văn Siêng, sinh năm 2010 hiện đang ở với anh S1. Sau khi ly hôn chị S đồng ý giao 02 người con chung tên Trần Thị Ngọc Sương và Trần Văn Siêng cho anh S1 nuôi dưỡng và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn S1 trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Anh Trần Văn S1 và chị Hồ Kim S tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G vào ngày 30/6/2009. Quá trình chung sống với chị S lúc đầu vui vẻ, hạnh phúc. Đến cuối năm 2022 thì anh S1 và chị S phát sinh mâu thuẫn, thường cự cãi và có xô xát nhau. Đến tháng 01/2023 do mâu thuẫn và cãi nhau nên anh S1 và chị S đã ly thân nhau cho đến nay. Tuy nhiên, anh S1 cho rằng vẫn còn tình cảm với chị S nên không đồng ý ly hôn với chị S nếu chị S không còn thường anh S1 mà cương quyết ly hôn với anh S1 thì Tòa án giải quyết đơn phương ly hôn cho chị S.

- Về con chung: Anh Trần Văn S1 và chị Hồ Kim S có 02 người con chung tên là Trần Thị Ngọc Sương, sinh năm 2009 và Trần Văn Siêng, sinh năm 2010 hiện đang ở với anh S1. Sau khi ly hôn anh S1 yêu cầu được nuôi 02 người con chung tên Trần Thị Ngọc Sương và Trần Văn Siêng đến tuổi trưởng thành, anh S1 không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn S1 và chị Hồ Kim S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh S1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị S được ly hôn với anh S1. Về con chung đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện của chị S đồng ý giao cháu Trần Thị Ngọc Sương, sinh năm 2009 và cháu Trần Văn Siêng, sinh năm 2010 cho anh Trần Văn S1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị Hồ Kim S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không có ai được quyền ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh S1 không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên đề nghị HĐXX miễn xét; về nợ chung: các đương sự trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Buộc chị Hồ Kim S chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Hồ Kim S yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn S1. Anh S1 cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bi đơn anh Trần Văn S1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt anh S1. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội

đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn anh S1 tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/6/2009. Như vậy, hôn nhân giữa chị S và anh S1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S1 do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Xét yêu cầu của chị S thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị S trình bày cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn do chị với anh S1 không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên gây gỗ với và thường hay xảy ra xô xát với nhau. Đến năm 2022 do mâu thuẫn nên chị S và anh S1 đã ly thân nhau với nhau cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Hồ Kim S đoàn tụ với anh Trần Văn S1 để cùng nhau nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành nhưng chị S vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh S1. Quá trình giải quyết anh Trần Văn S1 cũng trình bày cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị S cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ và có xảy ra xô xát với nhau. Đến tháng 01/2023 do cự cãi nên anh S1 và chị S cũng đã ly thân với nhau. Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh S1 thì anh S1 không đồng ý ly hôn với chị S do anh vẫn còn tình cảm với chị S. Tuy nhiên, nếu chị S cương quyết ly hôn với anh S1 thì ý kiến của anh S1 là Tòa án án sẽ giải quyết đơn phương ly hôn cho chị S được ly hôn. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh S1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị S là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 có 02 người con chung tên là Trần Thị Ngọc Sương, sinh năm 2009 và Trần Văn Siêng, sinh năm 2010 hiện đang ở với anh S1. Sau khi ly hôn chị S và anh S1 đã thỏa thuận là anh S1 được quyền nuôi cả 02 người con chung tên Trần Thị Ngọc Sương và Trần Văn

Siêng đến tuổi trưởng thành. Đồng thời quá trình chung sống với anh S1 thì con chung của chị S và anh S1 là cháu Sương và cháu Siêng phát triển tốt về mọi mặt thể chất, tinh thần. Xét thỏa thuận của chị S và anh S1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và sự phát triển toàn cháu Sương và cháu Siêng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 đều xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Hồ Kim S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Hồ Kim S được ly hôn với anh Trần Văn S1.

2/. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hồ Kim S. Giao cháu Trần Thị Ngọc Sương, sinh năm 2009 và cháu Trần Văn Siêng, sinh năm 2010 cho anh Trần Văn S1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Hồ Kim S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh S1 không yêu cầu nên miễn xét.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Hồ Kim S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộ p theo biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số 0004500 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Theo đó chị S đã nộp xong.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên G;
- VKS huyện Hòn Đ;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đ;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn A